TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày: 16 - 5 - 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Hà Long Biên

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành tham gia phiên toà:*** Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/HSST, ngày 02 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D; sinh ngày 02/8/1993; tại: Thạch Cẩm, Thạch Thành, Thanh Hoá; nơi ĐKHKTT: Thôn Thạch Yến 2, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn Thạch Yến 2, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; tiền sự: Không ; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 09/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 13/01/2018, bị Công an xã Điền Quang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn Th; sinh ngày 02/11/1992; tại: Thạch Quảng, Thạch Thành, Thanh Hoá; nơi ĐKHKTT: Thôn Thố, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn Thố, xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Th1 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thúy Ng và có 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 05/02/2018 đến ngày 08/02/2018, sau

đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2018 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Nguyễn Đình H; sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình S; sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Lê Trung K; sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Triu, xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Những người làm chứng:*

1. Bùi Văn N; sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Thạch Yến 1, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn D1; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Thạch Yến 1, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 08/01/2018, Nguyễn Văn D, trú tại thôn Thạch Yến 2, xã Thạch Cẩm đi bộ từ xã Thạch Quảng về Thạch Cẩm với mục đích xem có nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Đình H ở thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, D nhìn thấy trong hiên nhà anh H có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, BKS 36E1- 163.35, không có người trông coi. D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên nhảy qua tường rào vào bên trong, đi lại chỗ dựng xe, dùng tay phải nâng yên xe, tay trái luồn vào bên trong cốp xe lục tìm tài sản và lấy được 01 chiếc chìa khóa xe máy. D dùng chiếc chìa khoá mở thử cốp xe, thấy cốp xe bật lên, biết đây là chìa khoá của xe mô tô nên D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe, rồi dùng chìa khóa mở khoá điện, nổ máy điều khiển xe đến quán sửa chữa xe máy của Bùi Văn Th, trú tại thôn Thố, xã Thạch Quảng cầm cố chiếc xe lấy 3.000.000 đồng mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Khi cầm cố xe, D nói cho Th biết chiếc xe D vừa trộm cắp được, xe không có giấy tờ. Chiếc xe này, sau đó (ngày 09/01/2018) anh Bùi Văn N, người thôn Thạch Yến 1, xã Thạch Cẩm (là chú rể của D) đã đến chuộc lại mang về giao trả cho anh H.

Sau khi gây án D đã bỏ trốn khỏi địa phương, trong quá trình lẩn trốn, ngày 13/01/2018, D tiếp tục trộm cắp tài sản và bị Công an xã Điền Quang, huyện Bá Thước xử phạt vi phạm hành chính. Đến ngày 03/02/2018, biết không thể tiếp tục trốn tránh được, D đã đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi trộm cắp và cầm cố chiếc xe nêu trên.

Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/HĐĐGTS-TT ngày 16/01/2018, chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, BKS 36E1-163.35 của anh Nguyễn Đình Hòa tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 12.773.000 đồng.

Ngoài những lần trộm cắp trên, thì trước đó vào ngày 04/01/2018, Nguyễn Văn D còn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36P2-2444 của ông Nguyễn Đình S ở thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, sau đó mang đi cầm cố cho Lê Trung K, trú tại xã Điền Lư, huyện Bá Thước lấy 500.000 đồng.

Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/HĐĐGTS-TT ngày 10/02/2018, xác định chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Đình S tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 7.680.000 đồng.

Bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về kết quả định giá.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTT, ngày 29/3/2018, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố Bùi Văn Th về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ trước vào thời gian chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Bùi Văn Th từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10 % thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo được tính trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày tạm giữ từ trước vào thời gian chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 xe mô tô HONDA JA36 BLADE, màu sơn đỏ-đen, số máy JA36E0008272, số khung 3609EY501097, xe đã qua sử dụng;
- 01 đăng ký xe mô tô, nhãn hiệu HONDA JA36 BLADE, biển kiểm soát 36E1-163.35 mang tên Nguyễn Đình Hòa;
- 01 biển kiểm soát 36E1-163.35 bằng kim loại;
- 01 cà lê 10 bằng kim loại màu trắng, cà lê đã qua sử dụng;
- 01 xe mô tô Honda Wave Alpha màu đen, số khung 12179Y016328, số máy HC12E-1216367, được gắn biển kiểm soát 36M9-6119, xe đã qua sử dụng;
- 01 biển kiểm soát 36P2-2444 bằng kim loại;
- Tiền Việt Nam đồng, số tiền 3.000.000 đồng.

Sau khi tiến hành định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã giao trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA36 BLADE, kèm theo biển kiểm soát 36E1-163.35 và đăng ký của xe cho anh Nguyễn Đình Hòa; trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha kèm biển kiểm soát

36P2-2444 cho ông Nguyễn Đình S là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản, Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Đại diện VKSND đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) năm 2015, tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng; tịch thu tiêu hủy chiếc cà lê 10 của Bùi Văn Th là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Riêng chiếc biển kiểm soát mang số 36M9-6119, cần tiếp tục tạm giữ để điều tra, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Bị cáo D khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 08/01/2018, bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, BKS 36E1- 163.35 của anh Nguyễn Đình H ở thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm. Sau khi trộm cắp được chiếc xe, bị cáo điều khiển xe đến quán sửa xe của Bùi Văn Th ở thôn Thố, xã Thạch Quảng và nói với Thân chiếc xe bị cáo vừa trộm cắp được, xe không có giấy tờ và cầm cố cho Th lấy 3.000.000 đồng. Ngày 13/01/2018, bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản ở xã Điền Quang, huyện Bá Thước và bị Công an xã Điền Quang, huyện Bá Thước xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài những lần trộm cắp nêu trên, trước đó, vào ngày 04/01/2018, bị cáo còn trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36P2- 2444 của ông Nguyễn Đình S ở thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, mang đi cầm cố cho Lê Trung K ở xã Điền Lư, huyện Bá Thước lấy 500.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm cố tài sản trộm cắp, bị cáo mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo Th khai nhận: Ngày 08/01/2018, bị cáo cho Nguyễn Văn D cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, BKS 36E1- 163.35. Bị cáo biết chiếc xe mà D mang đến cầm cố cho bị cáo là xe trộm cắp nhưng bị cáo vẫn đồng ý cho D cầm cố, sau khi nhận cầm cố chiếc xe, sợ bị phát hiện nên bị cáo đã dùng cà lê tháo biển số xe vứt xuống giếng nước của gia đình. Ngày 09/01/2018, anh Bùi Văn N là chú rể của D đến đưa cho bị cáo 3.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe mà trước đó D đã cầm cố cho bị cáo. Ngày 05/02/2018, bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, giao nộp chiếc biển số xe, chiếc cà lê đã dùng tháo biển số xe và số tiền 3.000.000 đồng.

Người bị hại Hòa khai: Ngày 08/01/2018, gia đình anh bị Nguyễn Văn D ở thôn Thạch Yến 2, xã Thạch Cẩm trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, BKS 36E1- 163.35 mang đi cầm cố. Chiếc xe này gia đình anh mua tháng 12 năm 2014 giá 19.500.000đ. Ngày 17/01/2018, anh đã được cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành trả lại chiếc xe do bị cáo đã trộm cắp nên anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, anh đề nghị cơ quan pháp luật xử lý nghiêm đối với bị cáo.

Người bị hại S khai: Ngày 04/01/2018, gia đình ông bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36P2- 2444. Chiếc xe này của con dâu ông là Nguyễn Thị H mua năm 2008 với giá 14.000.000đ. Ngày 12/02/2018, ông đã cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành trả lại chiếc xe do bị cáo đã trộm cắp, mặc dù xe đã bị thay đổi phần yếm nhưng ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, ông đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Kiên khai: Khoảng đầu tháng 01 năm 2018, anh cho Nguyễn Văn D người ở huyện Thạch Thành cầm cố chiếc xe mô tô

nhãn hiệu Honda Wave Alpha, biển kiểm soát 36P2 - 2444, xe không có giấy tờ, khi cho cầm cố, anh không biết chiếc xe này là xe do Dũng phạm tội mà có, do thời gian trước đó, D cũng đã có lần đi cùng anh Ch là anh vợ của anh đến nhà anh chơi nên anh đã đồng ý cho D cầm cố và đưa cho D 500.000 đồng. Sau đó anh nghe thông tin D bị công an bắt về tội trộm cắp tài sản và nghĩ chiếc xe D đã cầm cố cho anh là xe do phạm tội mà có nên anh đã thay thế yếm của xe và tháo biển kiểm soát 36P2 - 2444 của xe thay vào biển kiểm soát 36M9 - 6119 để tránh bị phát hiện. Ngày 06/02/2018, anh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mà trước đó D đã cầm cố được anh thay gắn biển khiểm soát 36M9 - 6119 cùng với biển khiểm soát 36P2 - 2444 cho cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành. Về số tiền 500.000 đồng anh đã đưa cho D khi Dũng cầm cố xe, anh không yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng N khai: Khoảng 08 giờ, ngày 09/01/2018, Nguyễn Văn D1 (tên gọi khác là T) gọi điện thoại cho anh rủ anh đi tìm xe mô tô cho nhà anh H bị mất trộm ngày 08/01/2018. Sau đó anh có gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D là cháu vợ của anh hỏi có trộm cắp chiếc xe mô tô của gia đình anh H không thì D thừa nhận là đã trộm cắp chiếc xe nhà anh H nhưng đã mang đi cầm cố. Sau đó D nói địa chỉ quán sửa xe mà D đã cầm cố chiếc xe đã trộm cắp và nhờ anh đến chuộc xe về trả cho gia đình anh H. Anh đã chuộc lại xe hết 3.000.000 đồng, nhưng anh không yêu cầu D phải bồi thường số tiền anh đã bỏ ra chuộc xe.

Người làm chứng D1 khai: Sáng ngày 09/01/2018, anh đi cùng Bùi Văn N thì nghe Nam gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D hỏi có trộm cắp chiếc xe mô tô nhà anh H hay không thì D thừa nhận đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhà anh H nhưng đã mang đi cầm cố và D nhờ N đi chuộc lại xe. Sau đó anh và N đến địa chỉ như D đã chỉ dẫn. Tại đây, anh thấy N đưa cho một nam thanh niên tại quán sửa xe 3.000.000 đồng và người này đưa cho N một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA 36 BLADE, màu sơn đỏ đen không có biển kiểm soát.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này còn có Bùi Văn N và Nguyễn Văn D1 cùng trú tại thôn Thạch Yến 1, xã Thạch Cẩm biết Nguyễn Văn D trú tại thôn Thạch Yến 2, xã Thạch Cẩm là người đã trộm cắp chiếc xe của gia đình anh H, trong quá trình điều tra điều tra, N và D1 đã không tố giác mà còn khai báo gian dối về nơi phát hiện ra chiếc xe và che dấu hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D. Tuy nhiên, tội phạm mà N và D1 che dấu không thuộc các tội phạm được liệt kê trong Điều 389 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên hành vi của N và D1 không cấu thành tội che dấu tội phạm hoặc tội không tố giác tội phạm quy định tại Điều 389 và 390 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Lê Trung K, là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô Nguyễn Văn D đã trộm cắp của ông Nguyễn Đình S, quá trình điều tra đã xác định khi cho D cầm cố xe, K không biết đó là tài sản do D phạm tội mà có. Sau khi biết chiếc xe là tài sản

trộm cắp, K đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, nên hành vi của K không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Trong lời sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án hình sự trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Nguyễn Văn D thực hiện. Bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và đã từng bị kết án tù về tội trộm cắp tài sản, mặc dù tính đến thời điểm phạm tội (ngày 04/01/2018) bị cáo đã được xóa án tích, nhưng được coi là người có nhân thân xấu. Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản đem đi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 20.453.000 đồng, nên có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Bùi Văn Th: Do hám lợi, nên đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô là tài sản D trộm cắp, sau đó tháo biển kiểm soát vứt xuống giếng nước của gia đình nhằm che dấu tài sản trộm cắp, tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng và gia đình người bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, tạo điều kiện, khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội, nên có đủ cơ sở xác định bị cáo Bùi Văn Th đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phạm tội, bị cáo có ý thức tác động gia đình khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghĩ cần lên cho bị cáo một mức án phù hợp và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Bùi Văn Th phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "Đầu thú" quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, trong thời gian chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đã chấp hành tốt quy định của pháp luật có xác nhận của công an nơi bị cáo cư trú, thể hiện sự ăn năn hối cải, nghĩ cần áp dụng Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào Ngân sách Nhà nước. Bị cáo có thu nhập bình quân 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, nên khoản này bằng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian bị cáo bị tạm giữ 03 (Ba) ngày từ trước, sẽ được quy đổi thành 09 (Chín) ngày để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với Bùi Văn N; Nguyễn Văn D1; Lê Trung K, cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người này là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã giao trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA JA36 BLADE, kèm theo biển kiểm soát 36E1-163.35 và đăng ký của xe cho anh Nguyễn Đình Hòa và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha kèm biển kiểm soát 36P2-2444 cho ông Nguyễn Đình S là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là đúng quy định của pháp luật.

Về số tiền 3.000.000 đồng của Bùi Văn Th tự nguyện giao nộp là tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Chiếc cà lê 10 của Bùi Văn Th là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Riêng chiếc biển kiểm soát mang số 36M9-6119, tiếp tục tạm giữ để điều tra, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Bùi Văn Th phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Nguyễn Văn D 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 03/02/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Bùi Văn Th 21 (Hai mươi mốt) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi từ 03 (Ba) ngày bị tạm giữ từ trước.

Giao bị cáo Bùi Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Thạch Quảng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 10% (Mười phần trăm) thu nhập của bị cáo Th trong thời gian cải tạo không giam giữ sung vào Ngân sách Nhà nước. Khoản này bằng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015, tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng); tịch thu tiêu hủy chiếc cà lê 10 của Bùi Văn Th. Chiếc biển kiểm soát mang số 36M9-6119, tiếp tục tạm giữ để điều tra, làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo Nguyễn Văn D, Bùi Văn Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các bị cáo;*
- *Những người bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ LQ;*
- *VKSND huyện Thạch Thành;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Công an huyện Thạch Thành;*
- *Đội THAHS công an Thạch Thành;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Anh Đức